

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 15/06/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	832,47	113,82
Thay đổi (%)	3,60%	2,64%
KLGD (triệu CP)	708,24	88,73
GTGD (tỷ VND)	22.733,76	827,68
Số CP tăng giá	96	57
Số Cp đứng giá	45	49
Số Cp giảm giá	291	109

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	2,01	1,06
PE (lần)	14,63	9,90
Hệ số Beta	1,01	0,86
ROE (%)	17,50%	15,04%
ROA (%)	7,23%	5,19%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	237,87	6,74
GTGD (tỷ VNĐ)	16.364,52	66,14

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	15.024,28	5,08
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	741,95	10,06
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	14.282,33	4,98
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	14.277,35	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	778,71	29,05
VN30F2006	775,0	30,0
VN30F2007	763,0	31,3
VN30F2009	754,5	27,5
VN30F2012	754,0	27,1

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	25.605,54	1,90%
S&P 500 *	3.041,31	1,31%
DAX *	11.949,28	0,18%
FTSE 100 *	6.105,18	0,47%
Nikkei 225	21.530,95	3,47%
Hang Seng	23.776,95	2,16%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

VN-Index mất hơn 30 điểm ngay trong phiên đầu tuần, khối ngoại mua thỏa thuận 15.000 tỷ VHM.

Diễn biến thị trường:

Nổi tiếp đà hồi phục phiên cuối tuần trước, phiên giao dịch đầu tuần mở cửa trong sắc xanh và VN-Index có lúc tăng gần 5 điểm. Mặc dù vậy, tâm lý giới đầu tư tỏ ra thận trọng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đã bùng phát trở lại tại một số quốc gia, đã khiến áp lực bán gia tăng nhanh chóng và các chỉ số nhanh chóng quay đầu giảm điểm. Thậm chí, kể từ phiên chiều, các chỉ số chứng khoán Châu Á đồng loạt giảm mạnh đã tác động tiêu cực khiến VN-Index chìm sâu trong sắc đỏ. Trong đó, nhóm cổ phiếu VN30 chịu áp lực bán rất mạnh, nổi bật là các mã như CTD, SSI giảm sàn, VHM giảm 6,7% xuống 70.000 đồng và được giao dịch thỏa thuận hơn 200 triệu cổ phiếu, VNM giảm 5,1%, HPG giảm 4,2%, MSN giảm 3,6%,... Bên cạnh đó, các cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng như VCB, BID, VPB, TCB, ACB, CTG,... cũng đồng loạt giảm sâu khiến thị trường thiếu đi lực đỡ, và chỉ số VN-Index đóng cửa mất tới hơn 30 điểm ngay trong phiên giao dịch đầu tuần.

Áp lực bán tháo được thể hiện rõ khi sắc đỏ phủ kín toàn thị trường, với gần 500 mã đóng cửa giảm điểm trên cả 3 sàn. Các nhóm ngành mang tính thị trường như chứng khoán, dầu khí, xây dựng, bất động sản, thủy sản, dệt may đồng loạt giảm mạnh trong phiên hôm nay, và thậm chí một số mã còn đóng cửa giảm sàn như HCM, VCI, DPG, LDG, MSH,... Ở chiều ngược lại, chỉ có một số cổ phiếu thuộc nhóm khu công nghiệp như GVR, NTC, VRG, ITA là đóng cửa trong sắc xanh, nhưng biên độ tăng điểm cũng không quá ấn tượng. Trên TTCK Phái sinh, HĐTL F2006 đóng cửa với basis âm 3,71 điểm, đáng chú ý, phiên thứ 5 của tuần này sẽ là ngày đáo hạn HĐTL tháng 6.

Giao dịch khối ngoại là điểm nhấn trong phiên khi họ mua ròng đột biến hơn 14.000 tỷ đồng, trong đó lực mua chủ yếu tập trung vào VHM thông qua giao dịch thỏa thuận. Cụ thể, VHM giao dịch thỏa thuận 201 triệu cổ phiếu với mức giá tham chiếu 75.000 đồng/cp, tương ứng tổng giá trị hơn 15.000 tỷ đồng. Bên bán là khối nội, trong khi bên mua là nhà đầu tư nước ngoài.

Diễn biến CP CSI:

Trong phiên hôm nay bên bán và bên mua chưa đạt được mức giá chung, khiến cho cổ phiếu CSI không xuất hiện giao dịch nào. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 13.000 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Dù mở cửa trong sắc xanh, nhưng áp lực bán liên tục gia tăng mạnh mẽ đã khiến chỉ số VN-Index chìm sâu trong sắc đỏ, và đóng cửa mất tới hơn 30 điểm. Thanh khoản trong phiên hôm nay bất ngờ tăng cao đột biến với hơn 23.000 tỷ đồng trên cả hai sàn, nhưng chủ yếu tới từ lượng giao dịch thỏa thuận cổ phiếu VHM. Chúng tôi nhận định rằng, xu hướng giảm điểm của thị trường đang ngày một chiếm ưu thế và trở nên rõ rệt hơn. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang có dấu hiệu bùng phát trở lại, và áp lực bán đang là khá lớn, chúng tôi không kỳ vọng quá nhiều vào sự phục hồi của thị trường trong những phiên tới. Vì vậy, chúng tôi tiếp tục khuyến nghị quý nhà đầu tư ưu tiên hạ tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, để bảo toàn phần lợi nhuận đã kiếm được trong giai đoạn trước đó.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TIÊU CỰC	MACD	TIÊU CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TIÊU CỰC
MA Ngắn hạn	TIÊU CỰC	MA65	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TIÊU CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Thị trường mở cửa phiên đầu tuần trong sắc xanh để lấp khoảng Gap của phiên giảm điểm trước đó. Tuy nhiên, xu hướng giảm đã quá rõ nét nên lực cầu không quá mạnh. Điểm bất ngờ trong phiên hôm nay là ở phiên chiều. Các chỉ số tương lại trên thị trường Mỹ giảm mạnh đã tác động tiêu cực tới tâm lý của giới đầu tư trong nước và kích hoạt hành động bán tháo, nhấn chìm thị trường giảm sâu ở phiên thứ 2 sau phiên bán tháo thứ 5 tuần trước.

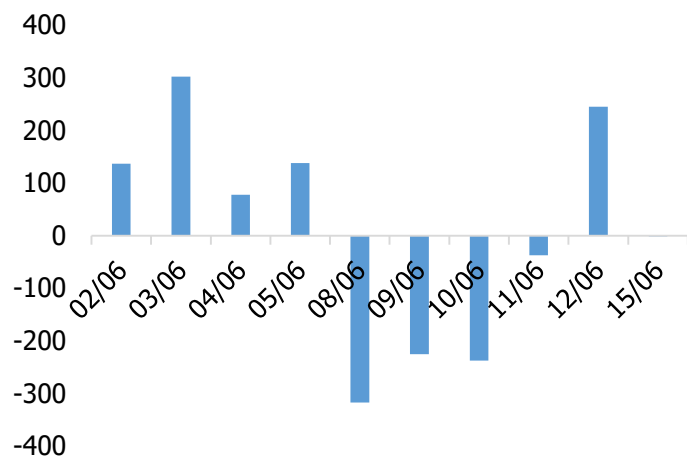
Xu hướng giảm điểm đã được xác nhận nhưng điểm bất ngờ là diễn ra quá nhanh, khiến nhiều nhà đầu tư không kịp trở tay. Phiên giảm mạnh hôm nay củng cố cho xu hướng điều chỉnh khi biên độ giảm sâu và đẩy chỉ số Vn-index thủng luôn mốc hỗ trợ 840 điểm, hướng đến ngưỡng hỗ trợ mới 800 điểm. Với những diễn biến khá tiêu cực đó, chúng tôi duy trì quan điểm bán phiên thứ 3 liên tiếp và thận trọng cao độ trong vị thế mua. Ưu tiên bảo toàn phần lợi nhuận đã kiếm được trong 2 tháng vừa qua.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

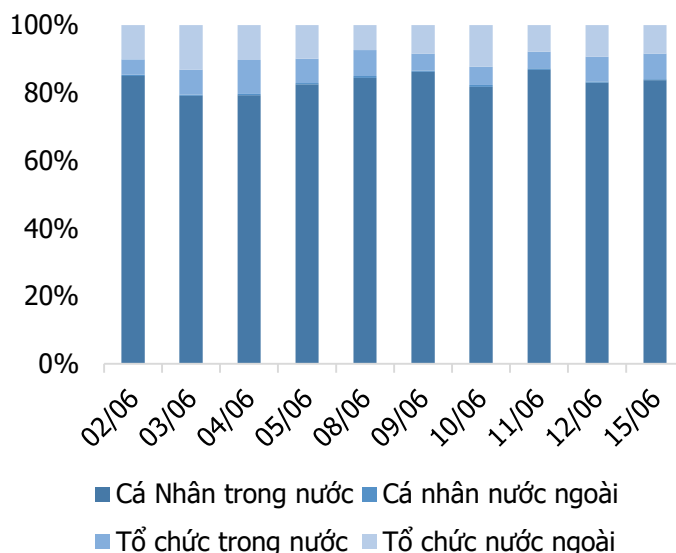
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



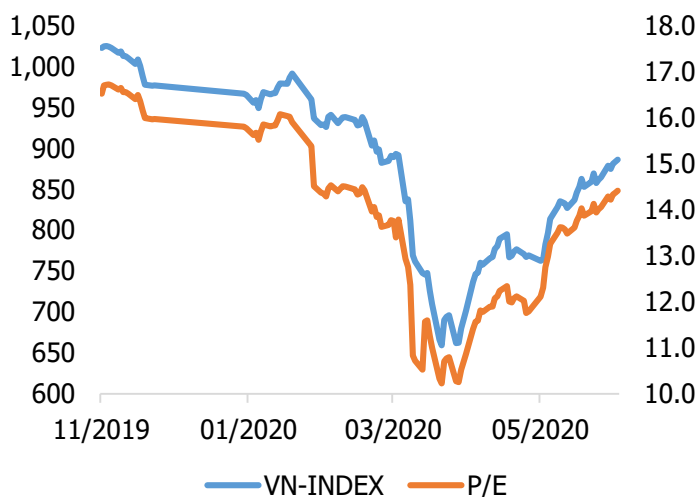
Giao dịch theo NĐT



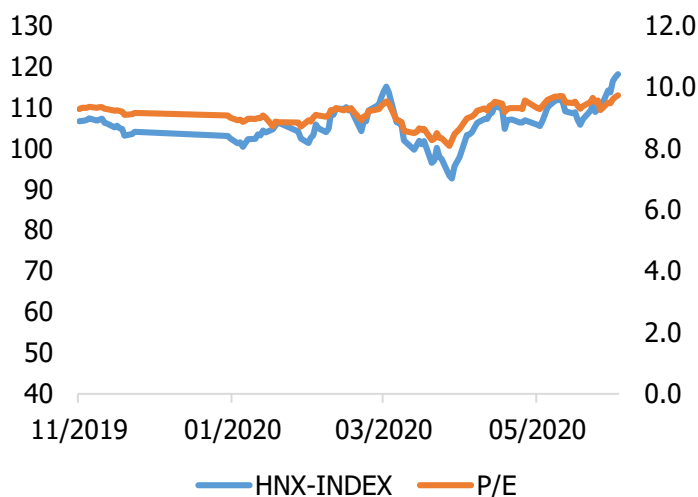
Vn-indexen – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
E1VFN30	13,000	14,584.00
MBB	17,000	8,729.29
HBC	12,300	7,779.10
TCB	20,100	5,765.79
VCB	82,000	5,692.48

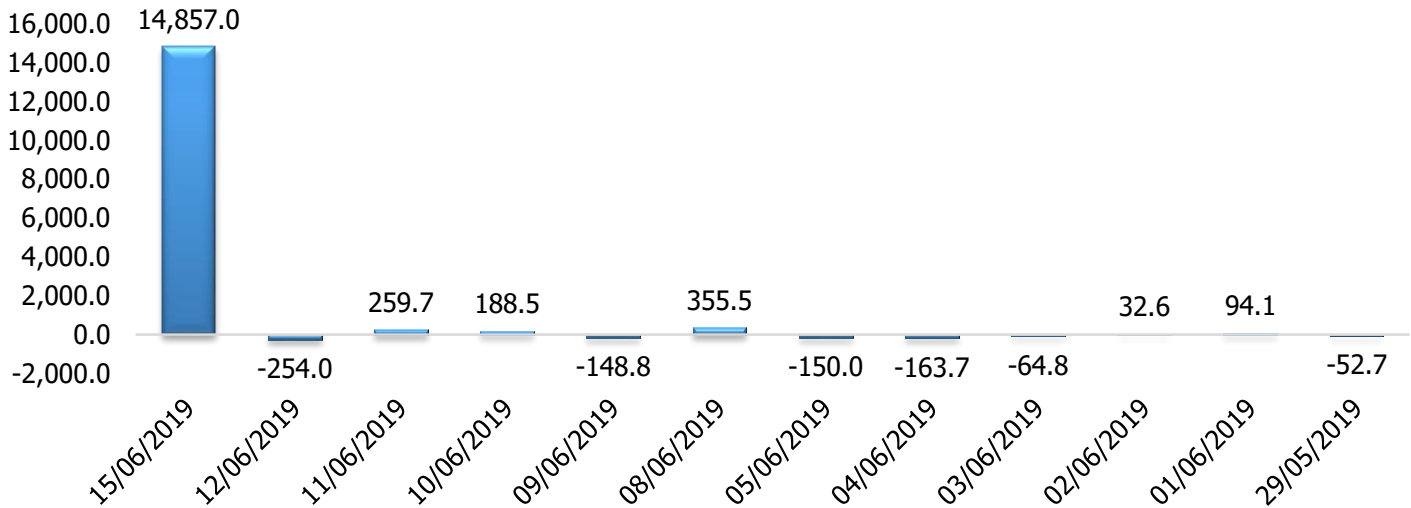
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
FUEVFVND	11,790	16,953.11
FPT	46,000	7,786.20
VPB	21,600	7,121.02
STB	12,050	5,960.14
VNM	112,000	5,387.12

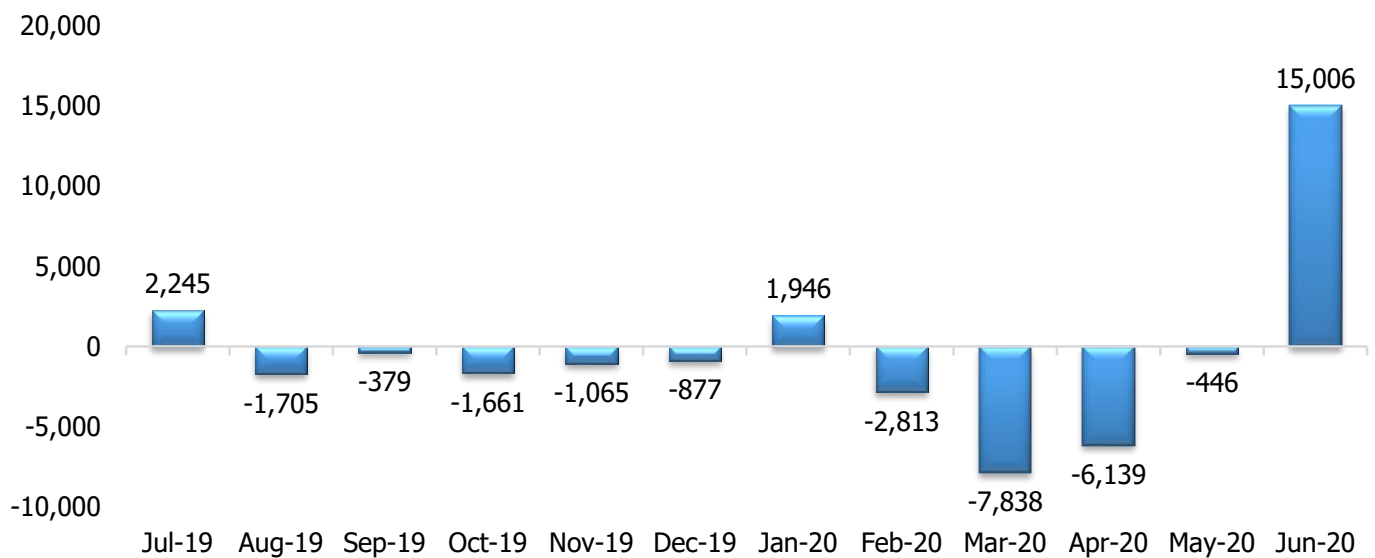
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

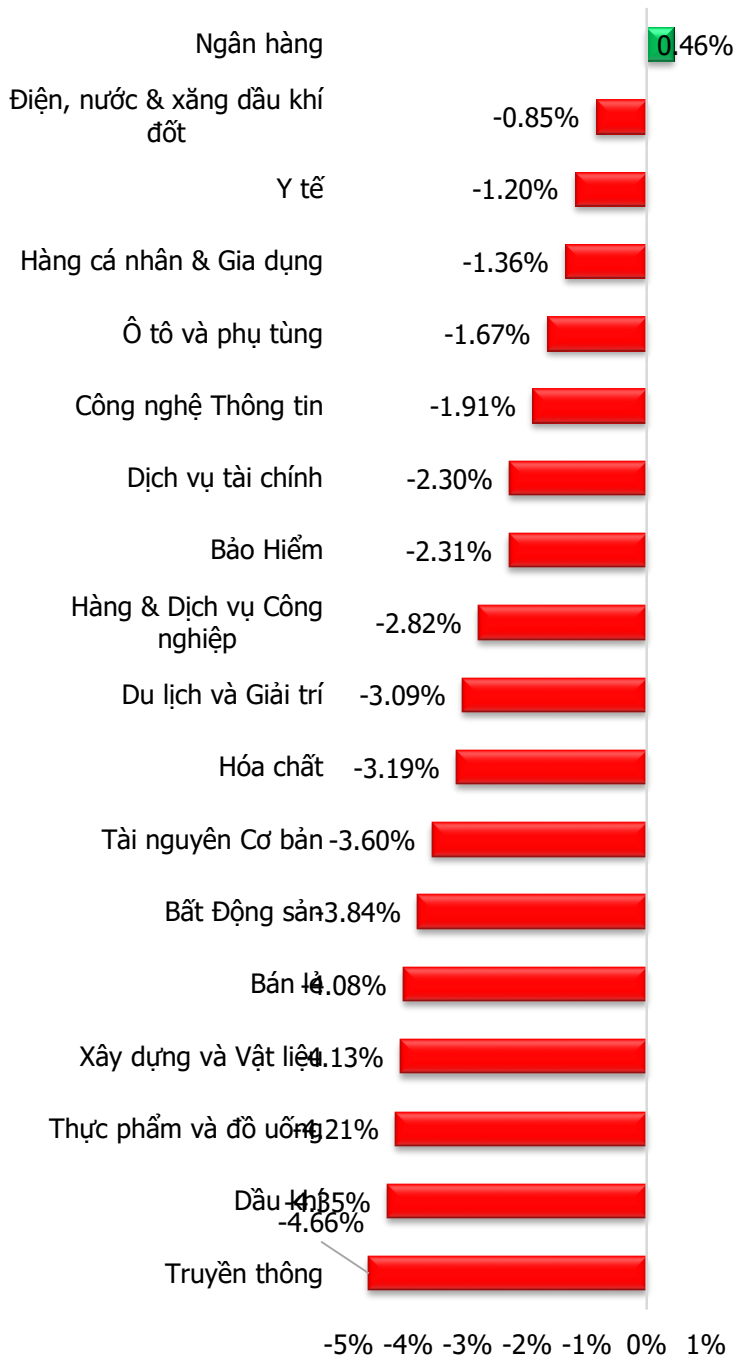
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VHM	14500.00	KBC	80.82
CTG	47.65	VRE	32.76
POW	23.14	VJC	27.58
FUEVFVND	16.60	HCM	26.36
STK	9.11	IBC	21.49

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

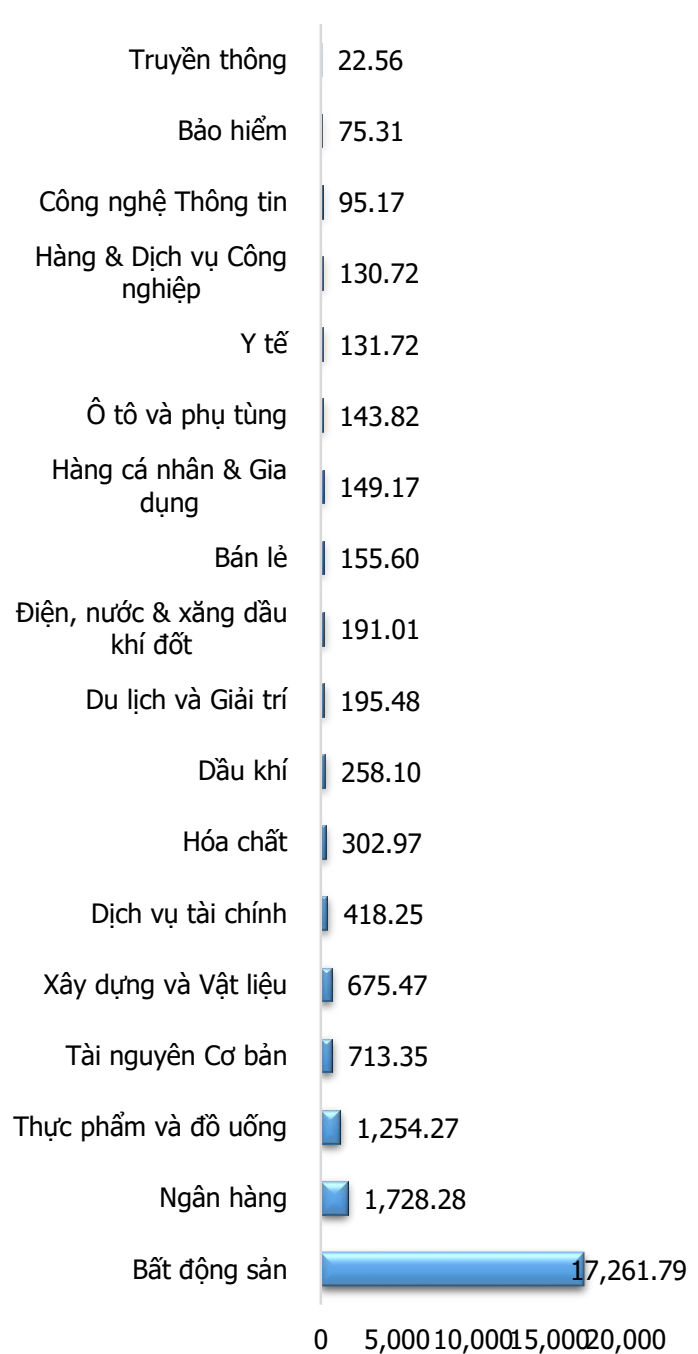
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
LHC	1.69	SHB	4.19
VCS	1.13	SHS	1.67
IDV	0.31	KLF	1.00
HHG	0.28	THT	0.96
PVS	0.22	HLD	0.53

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	<p>Xu hướng giảm điểm đã được xác nhận nhưng điểm bất ngờ là diễn ra quá nhanh, khiến nhiều nhà đầu tư không kịp trở tay. Phiên giảm mạnh hôm nay củng cố cho xu hướng điều chỉnh khi biên độ giảm sâu và đẩy chỉ số Vn-index thủng luôn mốc hỗ trợ 840 điểm, hướng đến ngưỡng hỗ trợ mới 800 điểm. Với những diễn biến khá tiêu cực đó, chúng tôi duy trì quan điểm bán phiên thứ 3 liên tiếp và thận trọng cao độ trong vị thế mua. Ưu tiên bảo toàn phần lợi nhuận đã kiếm được trong 2 tháng vừa qua.</p>										
Danh Mục Đang Nằm Giữ	DIC	2.0	2.2	1.8	1.95	2.00		6/11/2020		-2.5%	Cần bán
	GIL	20.8	23.1	19.0	18.00	20.60		6/11/2020		-12.6%	Cần bán
	MBB	18.5	20.5	16.8	17.00	18.30		6/11/2020		-7.1%	Cần bán
	STK	18.4	20.4	16.7	16.50	18.20		6/11/2020		-9.3%	Cần bán
	VSC	29.9	33.2	27.2	25.95	29.60		6/11/2020		-12.3%	Cần bán
	SGN	74.7	82.9	68.1	70.60	74.00		6/10/2020		-4.6%	Nằm giữ
	TDT	10.3	11.4	9.4	11.10	10.20		6/10/2020		8.8%	Nằm giữ
	VTK	26.3	29.1	23.9	25.00	26.00		6/9/2020		-3.8%	Nằm giữ
	NLG	24.2	26.9	22.1	24.70	24.00		6/5/2020		2.9%	Nằm giữ
	DLG	1.6	1.7	1.4	1.90	1.54		6/2/2020		23.4%	Nằm giữ
	TDG	1.8	2.0	1.6	1.82	1.78		6/1/2020		2.2%	Nằm giữ
	NHA	10.9	12.1	9.9	10.80	10.80		5/29/2020		0.0%	Nằm giữ
	BVH	51.6	57.2	47.0	47.20	51.10		5/27/2020		-7.6%	Cần bán
	DVN	11.6	12.9	10.6	11.20	11.50		5/27/2020		-2.6%	Nằm giữ
	PWA	9.1	10.1	8.3	8.80	9.00		5/15/2020		-2.2%	Nằm giữ
	AAA	12.5	13.9	11.4	12.15	12.40		5/13/2020		-2.0%	Cần bán
SBT	14.6	16.2	13.3	14.70	14.50		5/12/2020		1.4%	Nằm giữ	
BSR	6.1	6.7	5.5	6.90	6.00		4/21/2020		15.0%	Nằm giữ	
VCR	8.6	9.5	7.8	9.50	8.50		4/21/2020		11.8%	Nằm giữ	
Danh Mục Đã Bán	SJS	16.1	17.8	14.6	22.60	15.90	22.00	4/7/2020	6/12/2020	38.4%	Đã bán
	DP3	64.6	71.7	58.9	85.30	64.00	86.0	8/5/2019	5/25/2020	34.4%	Đã bán
	SNZ	18.9	20.9	17.2	24.80	18.70	24.30	4/21/2020	6/12/2020	29.9%	Đã bán
	SIP	72.8	80.8	66.3	91.00	72.10	94.50	4/14/2020	6/12/2020	28.3%	Đã bán
	LPB	6.5	7.2	5.9	7.80	6.40	8.00	4/7/2020	5/28/2020	25.0%	Đã bán
	MSN	53.0	58.8	48.3	62.00	52.50	62.50	3/9/2020	5/25/2020	19.0%	Đã bán
	TIG	5.8	6.4	5.2	6.60	5.70	6.70	4/21/2020	6/3/2020	17.5%	Đã bán
	C32	20.7	23.0	18.9	24.00	20.50	24.00	4/13/2020	6/12/2020	17.1%	Đã bán
	VIB	15.2	16.8	13.8	17.00	15.00	17.30	5/12/2020	6/12/2020	15.3%	Đã bán
	HBC	8.0	8.8	7.3	9.04	7.90	9.10	4/28/2020	5/28/2020	15.2%	Đã bán
	C69	5.2	5.7	4.7	5.60	5.10	5.80	4/13/2020	5/25/2020	13.7%	Đã bán
	VTP	112.1	124.3	102.1	125.00	111.00	126.00	4/10/2020	5/25/2020	13.5%	Đã bán
	G36	4.9	5.5	4.5	5.70	4.90	5.50	5/27/2020	6/12/2020	12.2%	Đã bán
	PAC	20.7	23.0	18.9	21.25	20.50	23.00	4/27/2020	5/25/2020	12.2%	Đã bán
HMC	12.6	14.0	11.5	13.60	12.50	14.00	4/20/2020	5/25/2020	12.0%	Đã bán	
ILB	15.3	16.9	13.9	16.80	15.10	16.90	4/28/2020	6/12/2020	11.9%	Đã bán	

SAS	27.5	30.5	25.0	28.30	27.20	28.30	4/21/2020	5/29/2020	10.7%	Đã bán
PLX	43.2	47.9	39.4	46.40	42.80	46.40	4/21/2020	5/25/2020	8.4%	Đã bán
PME	61.1	67.8	55.7	59.00	60.50	59.70	4/29/2020	5/25/2020	7.9%	Đã bán
SMB	29.9	33.2	27.2	31.60	29.60	31.90	4/15/2020	5/27/2020	7.8%	Đã bán
TLG	28.8	31.9	26.2	30.00	28.50	30.50	4/9/2020	5/5/2020	7.0%	Đã bán
HDC	17.5	19.4	15.9	17.65	17.30	18.30	5/7/2020	5/25/2020	5.8%	Đã bán
PVC	5.2	5.7	4.7	5.30	5.10	5.40	5/12/2020	5/25/2020	5.9%	Đã bán
VCS	60.8	67.4	55.4	64.00	60.20	63.50	4/21/2020	6/12/2020	5.5%	Đã bán
DIG	11.8	13.1	10.8	12.40	11.70	12.30	5/12/2020	6/12/2020	5.1%	Đã bán
OIL	7.7	8.5	7.0	8.00	7.60	8.00	5/7/2020	5/25/2020	5.3%	Đã bán
CVT	17.2	19.0	15.6	17.80	17.00	17.90	5/12/2020	5/28/2020	5.3%	Đã bán
CTG	22.2	24.6	20.2	22.40	22.00	22.90	5/20/2020	5/28/2020	4.1%	Đã bán
CII	19.4	21.5	17.7	19.70	19.20	19.80	4/21/2020	5/25/2020	3.1%	Đã bán
SGP	6.5	7.2	5.9	6.70	6.40	6.60	5/22/2020	6/12/2020	3.1%	Đã bán
DRI	4.1	4.6	3.8	4.00	4.10	4.20	4/27/2020	5/26/2020	2.4%	Đã bán
ASP	5.4	5.9	4.9	5.25	5.30	5.40	5/14/2020	5/26/2020	1.9%	Đã bán
DCL	21.2	23.5	19.3	21.10	21.00	21.40	6/2/2020	6/12/2020	1.9%	Đã bán
PVS	12.5	13.9	11.4	12.40	12.40	12.60	5/12/2020	5/25/2020	1.6%	Đã bán
SKG	10.6	11.8	9.7	10.60	10.50	10.60	6/8/2020	6/12/2020	1.0%	Đã bán
VRE	26.4	29.2	24.0	25.50	26.10	26.20	5/21/2020	5/28/2020	0.4%	Đã bán
GEX	17.2	19.0	15.6	17.05	17.00	17.10	5/20/2020	6/4/2020	0.6%	Đã bán
SLS	52.5	58.2	47.8	51.00	52.00	52.00	5/21/2020	6/12/2020	0.0%	Đã bán
DHC	37.9	42.0	34.5	37.50	37.50	37.50	5/4/2020	5/15/2020	0.0%	Đã bán
NTL	18.5	20.5	16.8	16.80	18.30	16.80	6/2/2020	6/12/2020	-8.2%	Đã bán
HDG	30.0	33.3	27.3	27.70	29.70	27.20	6/10/2020	6/15/2020	-8.0%	Đã bán
DQC	17.8	19.7	16.2	16.30	17.60	16.20	4/20/2020	5/4/2020	-8.0%	Đã bán
DRC	20.6	22.8	18.8	19.50	20.40	18.80	5/27/2020	6/15/2020	-7.8%	Đã bán
PVB	15.7	17.4	14.3	14.20	15.50	14.30	6/9/2020	6/15/2020	-7.7%	Đã bán
CVT	19.1	21.2	17.4	17.60	18.90	17.60	6/10/2020	6/15/2020	-6.9%	Đã bán
MPC	29.4	32.6	26.8	26.10	29.10	26.80	6/9/2020	6/11/2020	-7.9%	Đã bán
GVR	13.4	14.9	12.2	12.15	13.30	12.80	6/10/2020	6/15/2020	-3.8%	Đã bán
DXG	10.3	11.4	9.4	9.35	10.20	9.50	4/21/2020	5/5/2020	-6.9%	Đã bán
D2D	62.4	69.2	56.9	59.20	61.80	57.60	6/2/2020	6/12/2020	-6.8%	Đã bán
PVT	11.6	12.9	10.6	10.90	11.50	10.75	6/4/2020	6/12/2020	-6.5%	Đã bán
DCL	21.9	24.3	20.0	20.20	21.70	20.65	4/20/2020	5/7/2020	-4.8%	Đã bán
VJC	119.2	132.2	108.6	113.10	118.00	113.00	5/11/2020	5/26/2020	-4.2%	Đã bán
VND	13.5	15.0	12.3	13.00	13.40	12.90	6/5/2020	6/12/2020	-3.7%	Đã bán
HT1	14.3	15.9	13.1	14.10	14.20	13.70	5/28/2020	6/12/2020	-3.5%	Đã bán
DLG	1.5	1.7	1.4	1.46	1.51	1.46	5/15/2020	5/26/2020	-3.3%	Đã bán
PHR	52.4	58.1	47.7	50.00	51.90	50.50	6/2/2020	6/12/2020	-2.7%	Đã bán
QCG	8.2	9.1	7.5	7.90	8.11	7.90	6/5/2020	6/12/2020	-2.6%	Đã bán
DCL	21.2	23.5	19.3	20.30	21.00	20.50	5/15/2020	5/26/2020	-2.4%	Đã bán
KDH	22.3	24.8	20.3	21.30	22.10	21.60	5/20/2020	5/25/2020	-2.3%	Đã bán
HDB	24.2	26.9	22.1	23.70	24.00	23.90	5/22/2020	5/28/2020	-0.4%	Đã bán
HVN	19.6	21.7	17.8	27.65	19.40	28.30	4/8/2020	4/21/2020	45.9%	Đã bán
BMI	15.4	17.0	14.0	21.00	15.20	21.80	3/30/2020	4/20/2020	43.4%	Đã bán
DBC	18.2	20.2	16.6	19.80	18.00	20.50	3/31/2020	4/10/2020	30.2%	Đã bán
TDH	6.7	7.4	6.1	8.17	6.60	8.50	4/7/2020	4/22/2020	28.8%	Đã bán

HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	2/10/2020	3/10/2020	27.6%	Đã bán
FCN	7.4	8.2	6.7	8.08	7.30	8.15	3/19/2020	4/22/2020	11.6%	Đã bán
CTR	33.3	37.0	30.4	36.00	33.00	36.80	4/8/2020	4/22/2020	11.5%	Đã bán
GMD	16.0	17.7	14.5	16.90	15.80	17.50	4/8/2020	4/22/2020	10.8%	Đã bán
AGG	26.5	29.4	24.2	28.30	26.25	29.10	3/23/2020	4/13/2020	10.9%	Đã bán
FPT	47.0	52.1	42.8	49.30	46.50	51.00	4/7/2020	4/22/2020	9.7%	Đã bán
HBC	7.1	7.8	6.4	7.36	7.00	7.60	4/8/2020	4/22/2020	8.6%	Đã bán
DVN	10.4	11.5	9.5	10.60	10.30	10.80	4/10/2000	4/22/2020	4.9%	Đã bán
SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	2/13/2020	3/10/2020	4.9%	Đã bán
MSR	15.2	16.8	13.8	15.20	15.00	15.60	3/19/2020	4/22/2020	4.0%	Đã bán
HDB	20.3	22.5	18.5	20.10	20.10	20.70	4/7/2020	4/22/2020	3.0%	Đã bán
KDC	16.8	18.6	15.3	16.85	16.60	17.00	4/15/2020	4/22/2020	2.4%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DCL	22,950	1,500	6.99%	214,020
HRC	39,800	2,600	6.99%	430
FIT	7,660	500	6.98%	3,110,310
HAS	7,060	460	6.97%	2,300
SGT	6,770	440	6.95%	45,040

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HKB	900	100	12.50%	519,050
TTZ	2,200	200	10.00%	245,158
TMX	14,300	1,300	10.00%	100
MCC	13,300	1,200	9.92%	4,815
DST	7,900	700	9.72%	2,118,782

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
QBS	3,330	-250	-6.98%	498,070
TNI	7,050	-530	-6.99%	14,876,920
VRC	7,710	-580	-7.00%	372,790
TDH	9,300	-700	-7.00%	2,306,270
DTA	4,650	-350	-7.00%	7,800

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KVC	900	-100	-10.00%	719,988
KSQ	1,800	-200	-10.00%	311,600
IDJ	12,600	-1,400	-10.00%	531,240
VIG	900	-100	-10.00%	1,108,160
NHP	600	-100	-14.29%	847,042

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	12,050	250	2.12%	31,268,310
DLG	1,900	120	6.74%	27,105,970
FLC	3,300	10	0.30%	22,220,340
TNI	7,050	-530	-6.99%	14,876,920
HBC	12,300	350	2.93%	12,839,660

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MBG	5,100	-500	-8.93%	8,630,621
PVS	11,900	-600	-4.80%	7,698,713
MST	3,600	300	9.09%	3,415,340
ACM	700	0	0.00%	3,132,722
DST	7,900	700	9.72%	2,118,782

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	2,980	-30	-1.00%	31,598,820
STB	12,050	250	2.12%	31,268,310
ITA	6,090	100	1.67%	27,305,590
DLG	1,900	120	6.74%	27,105,970
FLC	3,300	10	0.30%	22,220,340

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MBG	5,100	-500	-8.93%	8,630,621
HUT	2,700	0	0.00%	8,288,196
PVS	11,900	-600	-4.80%	7,698,713
SHB	15,800	-200	-1.25%	7,107,827
ACB	23,300	-1,200	-4.90%	5,885,937

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	170,936	18,921	2,158	0.7%	16.2%	19.70	2.25	1,278,006	39,900	39.55%
2	CTD	5,150	111,923	8,456	11.2%	22.5%	7.98	0.60	258,923	62,800	-34.27%
3	CTG	86,755	21,018	2,510	0.7%	11.9%	9.28	1.11	7,462,873	22,300	15.06%
4	BVH	35,854	25,993	1,128	1.3%	8.4%	42.82	1.86	560,273	47,200	-39.02%
5	PLX	53,825	15,779	1,032	5.8%	16.2%	43.79	2.86	719,808	44,000	-22.96%
6	EIB	22,007	13,142	774	0.9%	8.6%	23.12	1.36	3,317,635	18,200	-1.38%
7	FPT	36,844	18,804	4,171	11.7%	23.0%	11.27	2.50	2,146,282	46,000	24.56%
8	GAS	142,781	26,569	5,875	17.5%	25.7%	12.70	2.81	620,288	72,100	-24.81%
9	POW	24,473	11,670	878	3.9%	8.9%	11.90	0.90	4,514,370	10,500	-33.65%
10	HDB	25,983	20,360	3,782	1.4%	18.6%	7.11	1.32	1,871,833	27,300	0.37%
11	HPG	73,168	18,066	2,895	16.4%	26.8%	9.15	1.47	9,222,388	25,400	14.72%
12	MBB	42,562	17,421	3,334	1.4%	14.9%	5.29	1.01	7,113,005	17,000	-7.46%
13	MSN	68,383	36,258	3,952	8.9%	26.1%	14.80	1.61	2,706,487	56,400	-31.18%
14	MWG	38,942	29,527	8,817	12.2%	41.3%	9.75	2.91	1,305,151	82,500	-5.18%
15	NVL	53,228	23,335	3,639	3.7%	13.6%	15.09	2.35	1,768,227	55,200	-8.35%
16	PNJ	13,399	22,139	5,238	18.8%	28.3%	11.36	2.69	976,350	57,200	-19.90%
17	REE	9,550	32,671	4,975	11.6%	19.1%	6.19	0.94	846,318	30,250	0.36%
18	ROS	1,708	10,645	270	7.6%	14.0%	11.15	0.28	16,897,548	2,980	-90.00%
19	SAB	110,300	26,870	7,068	22.0%	30.1%	24.33	6.40	169,491	166,000	-35.69%
20	SBT	9,429	12,584	174	3.0%	8.0%	89.08	1.23	2,430,564	14,700	-7.73%
21	SSI	9,315	15,336	1,165	6.6%	14.4%	13.31	1.01	3,120,214	14,450	-24.42%
22	STB	21,283	15,273	1,329	0.4%	6.3%	8.88	0.77	10,196,080	12,050	1.29%
23	TCB	74,028	18,356	2,987	3.1%	25.6%	7.08	1.15	4,940,102	20,100	-0.70%
24	VCB	317,480	22,914	4,849	1.2%	20.3%	17.65	3.74	1,325,911	82,000	28.90%
25	VHM	246,714	19,128	7,688	0.0%	0.0%	9.76	3.92	2,306,235	70,000	-5.12%
26	VIC	310,507	23,007	2,023	1.6%	5.8%	45.38	3.99	1,154,711	89,000	-20.86%
27	VJC	59,403	26,251	3,328	15.1%	45.4%	34.07	4.32	484,811	109,000	-8.18%
28	VNM	205,483	17,234	6,061	28.5%	38.9%	19.47	6.85	1,795,741	112,000	-3.36%
29	VPB	56,312	18,264	3,749	2.6%	24.1%	6.16	1.26	6,433,497	21,600	27.27%
30	VRE	58,853	12,063	1,180	5.6%	7.9%	21.95	2.15	2,992,344	25,000	-25.89%

(Nguồn: Fiiipro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: minhdq@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: www.vn-cs.com